**Số: 6149820**

| | KIA NEW SPORTAGE 1.6 TURBO HEV PREMIUM | Mazda6 2.5L Signature (2024) |
|---|---|---|
| **Giá niêm yết:** | **999.000.000đ** | **899.000.000đ** |
| **KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:** | | |
| Kích thước tổng thể (mm) | 4.685 x 1.865 x 1.660 | 4865 x 1840 x 1450 |
| Chiều dài cơ sở (mm) | 2.755 | 2830 |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm) | - | 5600 |
| Khoảng sáng gầm xe (mm) | 181 | 165 |
| Khối lượng không tải (kg) | - | 1550 |
| Khối lượng toàn tải (kg) | - | 2000 |
| Thể tích khoang hành lý (L) | - | 480 |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L) | 52 | 62 |
| Số chỗ ngồi | 5 | 5 |
| **DẪN ĐỘNG - KHUNG GẦM:** | | |
| Loại động cơ | Smartstream 1.6T HEV | Skyactiv-G 2.5L |
| Công suất cực đại (hp @ rpm) | 232 hp (Kết hợp) | 188 / 6000 |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm) | 367 Nm (Kết hợp) | 252 / 4000 |
| Hộp số | Tự động 6 cấp (6AT) | 6AT |
| Hệ thống dẫn động | 2 cầu (AWD) | Cầu trước (FWD) |
| Hệ thống treo trước | McPherson | Độc lập Mc Pherson |
| Hệ thống treo sau | Liên kết đa điểm | Liên kết đa điểm |
| Hệ thống phanh trước | Đĩa | Đĩa |
| Hệ thống phanh sau | Đĩa | Đĩa |
| Thông số lốp xe | 235/60 R18 | 225/45 R19 |
| Chế độ lái | Normal, Eco, Sport, My Drive | Normal/Sport |
| **NGOẠI THẤT:** | | |
| Cụm đèn trước | LED Projector | LED |
| Đèn trước tự động bật/tắt | ● | ● |
| Đèn trước tự động chiếu xa/chiếu gần | ● | Đèn thích ứng thông minh ALH |
| Đèn ban ngày LED | ● | ● |
| Đèn sương mù | LED Projector | LED |
| Cụm đèn sau | LED | LED |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện | ● | ● |
| Gạt mưa tự động | ● | ● |
| Cửa sổ trời | - | ● |
| Trang bị khác | - | |
| **NỘI THẤT - TIỆN NGHI:** | | |
| Vô lăng bọc da | ● + Sưởi | ● |
| Chất liệu ghế | Da | Da (Nappa) |
| Ghế người lái chỉnh cơ | - | |
| Ghế người lái chỉnh điện | 10 hướng | ● |
| Ghế người lái có nhớ vị trí | - | ● |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ | - | |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh điện | 6 hướng | ● |
| Hàng ghế trước có tính năng làm mát | ● | ● |
| Hàng ghế trước có tính năng sưởi | ● | |
| Hàng ghế trước có tính năng massage | - | |

| | | |
|---|---|---|
| Màn hình đồng hồ đa thông tin | 12.3" | Analog & Digital |
| Màn hình giải trí trung tâm | 12.3" | 8 |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto | Không dây | ● |
| Hệ thống điều hòa tự động | ● | ● |
| Số vùng khí hậu điều hòa | 2 vùng độc lập | 2 |
| Cửa gió cho hàng ghế sau | ● | ● |
| Chìa khóa thông minh | ● | ● |
| Khởi động nút bấm | ● | ● |
| Khởi động từ xa | ● | |
| Hệ thống âm thanh | 8 loa Harman Kardon | 11 loa Bose |
| Lẫy chuyển số | ● | ● |
| Sạc không dây Qi | ● | ● |
| Phanh đỗ điện tử | ● | ● |
| Giữ phanh tự động Autohold | ● | ● |
| Đèn trang trí nội thất | - | |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX | ● | ● |
| **AN TOÀN:** | | |
| Số túi khí | 06 | 6 |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS | ● | ● |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD | ● | ● |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA | ● | ● |
| Hệ thống cân bằng điện tử | ● | ● |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA | ● | ● |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa | ● | ● |
| Hệ thống cảnh báo chống trộm | ● | ● |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe | Trước, sau & hông | Trước & Sau |
| Hệ thống cảnh báo điểm mù | ● | ● |
| Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang khi lùi | ● | ● |
| Hệ thống cảnh báo lệch làn đường | ● | ● |
| Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường | ● | ● |
| Hệ thống hỗ trợ phanh chủ động | ● | ● |
| Hệ thống điều khiển hành trình | - | - |
| Hệ thống điều khiển hành trình thích ứng | ● | ● |
| Hệ thống cảnh báo áp suất lốp | ● | |
| Camera lùi | Camera 360 | ● (Camera 360) |